

SỔ TÍNH TIỀN ĂN TRONG NGÀY

Thứ 4, Ngày 06 tháng 05 năm 2026

| STT | Diễn giải | ĐVT | Tổng cộng | | | Trẻ 24 - 36 tháng tuổi | | | Trẻ 36 - 72 tháng tuổi | | |
|----------------------------------|-------------------------|------|-----------|----------|------------|------------------------|----------|------------|------------------------|----------|------------|
| | | | Đơn giá | Số lượng | Thành tiền | Đơn giá | Số lượng | Thành tiền | Đơn giá | Số lượng | Thành tiền |
| Hôm trước chuyển sang | | | | | 31,495 | | | 14,675 | | | 16,820 |
| Xuất ăn và tiêu chuẩn trong ngày | | | | 337 | 11,795,000 | 35,000 | 42 | 1,470,000 | 35,000 | 295 | 10,325,000 |
| Được chi trong ngày | | | | | 11,826,495 | | | 1,484,675 | | | 10,341,820 |
| Đã chi trong ngày | | | | | 11,789,340 | | | 1,470,023 | | | 10,319,317 |
| 1. Dịch vụ | | | | | 471,800 | | | 58,800 | | | 413,000 |
| 1 | chất đốt | | 700 | 337 | 235,900 | 700 | 42 | 29,400 | 700 | 295 | 206,500 |
| 2 | thuế | | 700 | 337 | 235,900 | 700 | 42 | 29,400 | 700 | 295 | 206,500 |
| 2. Kho | | | | | 3,550,490 | | | 321,665 | | | 3,228,825 |
| Ăn chính | | | | | 3,550,490 | | | 321,665 | | | 3,228,825 |
| 1 | Nước mắm nam ngư đệ nhị | Chai | 27,000 | 2 | 54,000 | 27,000 | 0.2 | 5,400 | 27,000 | 1.8 | 48,600 |
| 2 | Gạo Bắc Hương | Kg | 23,100 | 23.8 | 549,780 | 23,100 | 3.2 | 73,920 | 23,100 | 20.6 | 475,860 |
| 3 | Muối hạt | Kg | 10,500 | 0.2 | 2,100 | 10,500 | 0.02 | 210 | 10,500 | 0.18 | 1,890 |
| 4 | Bột canh i-ốt hải châu | Gói | 5,250 | 3 | 15,750 | 5,250 | 0.5 | 2,625 | 5,250 | 2.5 | 13,125 |
| 5 | Dầu ăn Neptune | Kg | 70,200 | 1.3 | 91,260 | 70,200 | 0.05 | 3,510 | 70,200 | 1.25 | 87,750 |
| 6 | Sữa Nuvi Grow School | Kg | 295,000 | 6.8 | 2,006,000 | 295,000 | 0.8 | 236,000 | 295,000 | 6 | 1,770,000 |
| 7 | Mì nui | Kg | 94,500 | 8.8 | 831,600 | 0 | 0 | 0 | 94,500 | 8.8 | 831,600 |
| 3. Đi chợ | | | | | 7,767,050 | | | 1,089,558 | | | 6,677,492 |
| Ăn chính | | | | | 7,767,050 | | | 1,089,558 | | | 6,677,492 |
| 1 | Khoai tây | Kg | 27,300 | 0.8 | 21,840 | 27,300 | 0.8 | 21,840 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Bầu | Kg | 29,400 | 10 | 294,000 | 29,400 | 1.2 | 35,280 | 29,400 | 8.8 | 258,720 |
| 3 | Cà chua | Kg | 29,400 | 6 | 176,400 | 29,400 | 0.2 | 5,880 | 29,400 | 5.8 | 170,520 |
| 4 | Rau mùi | Kg | 84,000 | 0.3 | 25,200 | 84,000 | 0.04 | 3,360 | 84,000 | 0.26 | 21,840 |
| 5 | Chuối tiêu | Quả | 4,100 | 169 | 692,900 | 4,100 | 21 | 86,100 | 4,100 | 148 | 606,800 |
| 6 | Hành khô | Kg | 94,500 | 0.3 | 28,350 | 94,500 | 0.04 | 3,780 | 94,500 | 0.26 | 24,570 |
| 7 | Tôm lột | Kg | 469,000 | 5 | 2,345,000 | 469,000 | 0.5 | 234,500 | 469,000 | 4.5 | 2,110,500 |
| 8 | Đậu phụ mơi | Kg | 16,200 | 22 | 356,400 | 16,200 | 2 | 32,400 | 16,200 | 20 | 324,000 |
| 9 | Hành lá | Kg | 56,700 | 0.3 | 17,010 | 56,700 | 0.04 | 2,268 | 56,700 | 0.26 | 14,742 |
| 10 | Mỡ phần | Kg | 75,000 | 0.5 | 37,500 | 75,000 | 0.04 | 3,000 | 75,000 | 0.46 | 34,500 |

| STT | Diễn giải | ĐVT | Tổng cộng | | | Trẻ 24 - 36 tháng tuổi | | | Trẻ 36 - 72 tháng tuổi | | |
|--------------------------------|-----------------------------------|-----|-----------|----------|------------|------------------------|----------|------------|------------------------|----------|------------|
| | | | Đơn giá | Số lượng | Thành tiền | Đơn giá | Số lượng | Thành tiền | Đơn giá | Số lượng | Thành tiền |
| 11 | Thịt bò vai | Kg | 346,500 | 3.5 | 1,212,750 | 346,500 | 0.1 | 34,650 | 346,500 | 3.4 | 1,178,100 |
| 12 | Thịt lợn (mông, vai lọc bi) | Kg | 179,000 | 14.3 | 2,559,700 | 179,000 | 3.5 | 626,500 | 179,000 | 10.8 | 1,933,200 |
| Chi kho lũy kế từ đầu tháng | | | | | 9,864,625 | | | 1,051,345 | | | 8,813,280 |
| Chi chợ lũy kế từ đầu tháng | | | | | 23,429,420 | | | 2,999,603 | | | 20,429,817 |
| Suất ăn lũy kế từ đầu tháng | | | | | 992 | | | 121 | | | 871 |
| Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng | | | | | 34,720,000 | | | 4,235,000 | | | 30,485,000 |
| Đã chi lũy kế từ đầu tháng | | | | | 34,682,845 | | | 4,220,348 | | | 30,462,497 |
| Chênh lệch cuối ngày | | | | | 37,155 | | | 14,652 | | | 22,503 |

Kê toán

Phạm Thị Thuý
Phạm Thị Thuý

Phó Hiệu trưởng



Lương Thị Tuyền
★ Lương Thị Tuyền